TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1471/2026/DS-ST
Ngày: 16 - 07 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ôn Kim Chi.
Các Hội thẩm nhân dân:
1- Ông Đặng Văn Ẩn.
2- Bà Lê Thị Hạnh Sơn.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Ngọc Dung – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 16 tháng 07 năm 2026, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1185/2026/TLST-DS ngày 10 tháng 04 năm 2026 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2232/2026/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 05 năm 2026; Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 18/2026/QĐST-DS ngày 09 tháng 07 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 2829/2026/QĐST-DS ngày 23 tháng 06 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Công ty T1** (Việt Nam); Địa chỉ trụ sở chính: Số I đường P, phường S (phường B, Quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông **LEE YUN H**, sinh năm: 1975; Chức danh: Tổng Giám đốc.

Ông LEE YUN HYOUNG ủy quyền cho Công ty L; Người đại diện theo pháp luật của Công ty Luật T: Ông **Nguyễn Tất T**, chức vụ: Giám đốc Công ty L1 (theo Giấy ủy quyền số: 22/2025/GUQ-MAFC ngày 17/04/2025).

Công ty L ủy quyền lại cho ông **Nguyễn Phạm Thành N**, sinh năm: 2000, chức vụ: Chuyên viên pháp lý Công ty L1; Địa chỉ: P, Tầng D, Tòa nhà số G đường T, phường T (phường T, Quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền ngày 17/04/2025). (Vắng mặt và có nộp đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

- *Bị đơn*: Bà **Trần Thị Ngọc Q**, sinh năm: 1999.

Căn cước công dân: 079199xxxxxx, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, ngày cấp: 16/09/2022.

Địa chỉ: Số A, Ấp B, xã T (xã V, huyện B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 28 tháng 11 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn có ông Nguyễn Phạm Thành N trình bày như sau:

Ngày 15/06/2024, Công ty T1 (VIỆT NAM) (sau đây gọi tắt là Công ty) ký Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số: 5596327 về việc cấp tín dụng cho bà Trần Thị Ngọc Q với khoản vay trị giá 39.849.000 đồng được giải ngân ngày 17/06/2024 với mức lãi suất 42%/năm. Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho bà Trần Thị Ngọc Q, số tiền giải ngân được Công ty chuyển vào tài khoản cá nhân của bà Trần Thị Ngọc Q. Theo Hợp đồng tín dụng, bà Trần Thị Ngọc Q có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán là trả góp hàng tháng trong kỳ hạn 24 tháng, kể từ ngày 15/07/2024 đến ngày 15/06/2026 cho Công ty. Kể từ ngày được giải ngân đến nay, bà Trần Thị Ngọc Q chỉ mới thanh toán trả góp cho Công ty được 6 kỳ với tổng số tiền đã thanh toán 11.900.476 đồng (Trong đó: Tổng gốc đã trả 3.066.620 đồng, tổng lãi, phí đã trả: 8.833.856 đồng). Từ ngày 08/05/2025 đến nay bà Trần Thị Ngọc Q không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả góp theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết sau khi Công ty đã liên hệ nhắc nợ, nhưng bà Trần Thị Ngọc Q vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Nay Công ty yêu cầu bà Trần Thị Ngọc Q thanh toán cho Công ty T2 số tiền tạm tính đến ngày 16/07/2026 là: 67.447.315 đồng (Trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 36.782.380 đồng, số tiền lãi trong hạn: 13.499.993 đồng, số tiền lãi quá hạn: 15.834.481 đồng, số tiền lãi chậm trả: 1.330.461 đồng). Ngoài ra, bà Trần Thị Ngọc Q còn phải thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 17/07/2026 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt và có nộp đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn – bà Trần Thị Ngọc Q đã được Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tống đạt tại địa chỉ: Số A, Ấp B, xã T (xã V, huyện B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh gồm các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng nhưng bà Trần Thị Ngọc Q vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên tòa xét xử, bà Trần Thị Ngọc Q không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến

của mình cũng như nộp các tài liệu chứng cứ khác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị Ngọc Q vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn là Công ty T1 khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là bà Trần Thị Ngọc Q, địa chỉ cư trú tại xã T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Đại diện ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt và có nộp đơn đề nghị xét xử vắng mặt và được Tòa án chấp nhận. Bị đơn – bà Trần Thị Ngọc Q vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định là Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về áp dụng pháp luật: Do hợp đồng dân sự của các bên đương sự thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 để giải quyết vụ án.

Về các yêu cầu của các đương sự:

[4] Đại diện theo ủy quyền lại của Công ty T1 yêu cầu bị đơn – bà Trần Thị Ngọc Q phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 16/07/2026 là 67.447.315 đồng (Trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 36.782.380 đồng, số tiền lãi trong hạn: 13.499.993 đồng, số tiền lãi quá hạn: 15.834.481 đồng, số tiền lãi chậm trả: 1.330.461 đồng). Ngoài ra, bà Trần Thị Ngọc Q còn phải thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 17/07/2026 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật

[5] Theo kết quả Thông tin Công dân từ Hệ thống Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư thì bị đơn – bà Trần Thị Ngọc Q có nơi ở hiện tại: số A, Ấp B, xã T (xã V, huyện B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh đã tống đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Q nhưng bà Q vắng mặt không đến Tòa án, không nộp tài liệu, văn bản cũng như không trình bày ý kiến để bảo vệ quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên được coi là từ bỏ quyền trình bày của mình trước Toà án.

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[7] Tại Giấy Đề nghị vay vốn, kiêm Hợp đồng tín dụng số: 5596327, bị đơn vay số tiền 39.849.000 đồng (Trong đó gồm có: Khoản vay 37.000.000 đồng, Bảo hiểm

2.849.000 đồng); Thời hạn vay là 24 tháng; Lãi suất: 3.50%/tháng; Mục đích cho vay là phục vụ nhu cầu đời sống khác; Phương thức thanh toán: trả hàng tháng. Sau khi giải ngân, đến ngày 08/05/2025 bị đơn không thanh toán đầy đủ nợ đã thỏa thuận trong hợp đồng, tạm tính đến ngày 16/07/2026, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 67.447.315 đồng (Trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 36.782.380 đồng, số tiền lãi trong hạn: 13.499.993 đồng, số tiền lãi quá hạn: 15.834.481 đồng, số tiền lãi chậm trả: 1.330.461 đồng). Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ xem xét.

[8] Bị đơn không liên hệ nguyên đơn để thương lượng thỏa thuận giải quyết số nợ còn thiếu, kéo dài thời gian trả nợ, trốn tránh nghĩa vụ thanh toán nợ. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình coi như từ bỏ quyền trình bày của mình tại phiên tòa. Căn cứ Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 16/07/2026 là 67.447.315 đồng (Trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 36.782.380 đồng, số tiền lãi trong hạn: 13.499.993 đồng, số tiền lãi quá hạn: 15.834.481 đồng, số tiền lãi chậm trả: 1.330.461 đồng). Ngoài ra, bị đơn còn phải thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 17/07/2026 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

[9] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 100, Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T1.

- Buộc bà Trần Thị Ngọc Q trả cho Công ty T1 số tiền 67.447.315 đồng (Viết bằng chữ: Sáu mươi bảy triệu, bốn trăm bốn mươi bảy nghìn, ba trăm mười lăm đồng) (Trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 36.782.380 đồng, số tiền lãi trong hạn: 13.499.993 đồng, số tiền lãi quá hạn: 15.834.481 đồng, số tiền lãi chậm trả: 1.330.461 đồng).

- Kể từ ngày 17/07/2026 bà Trần Thị Ngọc Q còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi trả hết số nợ vay tín dụng cho Công ty T1.

- Các đương sự có quyền thỏa thuận nơi thực hiện việc giao nhận tiền. Trường hợp các đương sự không thỏa thuận được thì thực hiện việc giao nhận tiền tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về án phí:

Bà Trần Thị Ngọc Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.372.366 đồng (Viết bằng chữ: Ba triệu, ba trăm bảy mươi hai nghìn, ba trăm sáu mươi sáu đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Công ty T1 (Nguyễn Phạm Thành N nộp thay) 1.281.895 đồng (Viết bằng chữ: Một triệu, hai trăm tám mươi mốt nghìn, tám trăm chín mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0018736 ngày 26/03/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 34 và 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự (6);
- TAND TP.HCM (1);
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 (2);
- Thi hành án dân sự TP.HCM (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (5).

2 000025 155202

Ôn Kim Chi